TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình D tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 311/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thùy D, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình D.

- *Bị đơn*: Ông Lương Hoàng L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 5 đường Bàu Rong, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Lê Thùy D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lương Hoàng L vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/9/2024, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà D) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L chung sống với nhau từ năm 2023, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 01/7/2024.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây giữa bà D và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã lẫn nhau, cuộc sống rất mệt mỏi. Hiện tại bà D và ông L không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm nhau. Vì vậy bà D yêu cầu ly hôn với ông Lương Hoàng L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lương Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2024; theo đơn xin ly hôn bà D yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên quá trình tham gia tố tụng bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà D không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn (ông L) trình bày:*

Quá trình chung sống ông L và bà D không có có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi kết hôn ông L chung sống với gia đình nhà vợ tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vào khoảng tháng 8 năm 2024 ông L đi làm việc ở Hà Nội nhưng bà D cho rằng ông L đi chơi và nhắn tin bảo ông L đi chơi không có trách nhiệm với gia đình. Sau khi về thì ông L và bà D gây gổ với nhau và ông L có đập cái máy hút sữa của con. Tối đó ông L về nhà mẹ đẻ của ông L ở khu phố 6, thị trấn D. Sáng hôm sau ngày 01/9/2024 ông L về nhà mẹ vợ thì thấy đồ cá nhân của ông L đã được dọn ra trước hiên nhà, mẹ vợ bảo ông L từ hôm nay trở về sau không được phép vào nhà mẹ vợ khi chưa được sự đồng ý của mẹ vợ và cậu vợ. Sau đó ông L lấy đồ cá nhân về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại khu phố 6, thị trấn D cho đến nay. Ông L và bà D đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024. Trước yêu cầu ly hôn của bà D thì ông L không đồng ý ly hôn vì giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thùy D khởi kiện ông Lương Hoàng L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông L có nơi cư trú tại số 5 đường B, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thùy D và ông Lương Hoàng L chung sống với nhau từ năm 2024, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2024 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà D cho rằng bà và ông L thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Vì vậy, bà D làm đơn xin ly hôn với ông Lương Hoàng L.

Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn gia đình giữa bà D và ông L tại địa phương nơi ông L và bà D sinh sống thì ghi nhận ý kiến như sau "Bà D và ông L là vợ chồng, quá trình chung sống mâu thuẫn giữa bà D và ông L thì địa phương không biết vì bà D và ông L không thông báo với địa phương, chỉ biết là ông L đã về nhà mẹ ruột của ông L tại khu phố 6, thị trấn D sinh sống cho đến nay".

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án chỉ ghi nhận được lời khai của ông L tại biên bản lấy lời khai vào ngày 09/12/2024 ông L không đồng ý ly hôn với bà D với lý do giữa ông L và bà D không có mâu thuẫn gì để dẫn đến việc ly hôn. Còn nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông L đồng ý giao con chung tên Lương Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2024 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trước yêu cầu xin ly hôn của bà D thì Tòa án đã tiến hành triệu tập ông L nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông L và bà D cũng đã không sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2024. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng,

tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà Lê Thùy D và ông Lương Hoàng L không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống bà Lê Thùy D và ông Lương Hoàng L có 01 người con chung tên Lương Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2024. Tại đơn xin ly hôn ngày 10/9/2024 cũng như quá trình giải quyết vụ án bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu A dưới 12 tháng tuổi nên rất cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó yêu cầu của bà D là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn xin ly hôn ngày 10/9/2024 bà D yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 5.000.000 đồng, tại biên bản lấy lời khai vào ngày 09/12/2024 thì ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thùy D đối với ông Lương Hoàng L về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thùy D được ly hôn với ông Lương Hoàng L.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2024. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thùy D không yêu cầu ông Lương Hoàng L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Lê Thùy D chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0007057 ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình D.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình D;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết